TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/12/2017
V/v: Ly hôn, con cái.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử Sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông: Mai Đình Thuận

Các Hội Thẩm Nhân Dân: Bà: Nguyễn Thị Kim Dung

Ông: Trần Xuân Anh

Thư ký Toà phiên toà**:** Bà: Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2017 HNGĐ-ST ngày 09/11/2017 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H - Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn Đ3, xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Đào Xuân H - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm3, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2017, các bản khai, biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện T và tại phiên toà nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Đào Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2014 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thamh Hóa.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh H không chịu làm ăn chơi bời cờ bạc, nhiều lúc cầm cố tài sản trong gia đình để đánh bài. Do vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần anh H đã đánh chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Anh H trình bày: Anh và chị Trần Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2014 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thamh Hóa.

Quá trình vợ chồng chung sống có nhiều lúc bất đồng vê quan điểm, ngoài ra chị H không tôn trọng anh, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô sát, cải nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Chị H bỏ nhà đi từ ngày 03/9/2017 cho đến nay ,không quan tâm đến chồng con. Anh xét thấy tình cảm của anh đối với chị H đang còn, chị H xin ly hôn anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

* **Về con chung**:

Chị H trình bày: Chị và anh H có 01 con chung, cháu Đào Trần Trâm A, sinh ngày 09/10/2014. Chị đề nghị xin được nuôi cháu Trâm A và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H trình bày: Công nhận vợ chồng có 01 con chung cháu Đào Trần Trâm A sinh ngày 09/10/2014, như chị H trình bày là đúng. Anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

* **Về tài sản và công nợ**: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét nhận định

[1] Về Hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Đào Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 12/02/2014, tại ủy ban nhân dân xã N, huyện T - Thanh Hóa. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp, ngoài ra anh H hay chơi bài và mà còn lấy tài sản mang đi cầm cố để đánh bạc, chị H khuyên ngăn, anh không sửa chữa mà còn hung hăng chửi bới đánh đập và có những lời nói không chuẩn mực đã xúc phạm danh dự của chị, dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị ly hôn với anh H. Anh H không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Tuy nhiên trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn, anh H không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ mà anh phó mặc, vì vậy khó có khả năng đoàn tụ, cải thiện được tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hon nhân giữa chị H và anh H đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào điều 56 Luật HN&GĐ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2] Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung, cháu Đào Trần Trâm A, sinh ngày 09/10/2014

Tại phiên tòa chị H và anh H đều có yêu cầu được nuôi con, việc yêu cầu nuôi con của hai bên là chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần đảm bảo được lợi ích toàn diện của cháu bé, do cháu Trâm A đang còn nhỏ mới được 37 tháng 05 ngày và là con gái cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do đó giao cháu Đào

Trần Trâm A cho chị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung.

[3]Về tài sản và công nợ: Chị H và anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; khoản 1 Điều 81 và Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí của Tòa án.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Đào Xuân H được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đào Trần Trâm A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị H và anh Đào Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản .

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/ 0003008 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T - Thanh hóa .

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án, người phải thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:
- *VKSND T;*
- *Chi cục T.H.ADS T;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã N ;*
- *Lưu hồ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Đình Thuận